

Bản án số: 08 /2025/DS - ST

Ngày: 09 /6/ 2025

(V/v Tranh chấp Hợp đồng Gia công
Chăn nuôi gà thịt)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Hoài Linh
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên không tham gia phiên tòa.*

Ngày 09 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 55 /2024/TLST - DS ngày 11 tháng 12 năm 2024. Về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng Gia công chăn nuôi gà thịt*” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-DS ngày 14 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần K(IBA)

Địa chỉ: Số F, Cụm C, phường C, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Trung T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Lâm T1, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Tổ B, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. (Giấy ủy quyền lập ngày 01/7/2024)

(Có mặt tại phiên tòa)

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2** – Tư vấn viên của Trung tâm T6 và pháp luật.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Ông Phạm Đức T3, sinh năm 1967;

Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Đặng Thị L, sinh năm 1970 (Vợ ông T3);

3.2 Anh Phạm Văn B sinh năm 1992(Con ông T3, bà L);

Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(bà L có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt)

4. Người làm chứng:

4.1 Anh Phạm Văn V, sinh năm 1989(Con ông T3, bà L);

Nơi cư trú: Xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của Nguyên đơn, lời khai tại phiên tòa ông Hà Lâm T1 – Đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần K(IBA) trình bày:

Ngày 21/12/2022, Công ty I ký hợp đồng gia công chăn nuôi gà thịt với bên gia công là ông Phạm Đức T3 theo hợp đồng số 31/2022/HĐGC/IBA, trong hợp đồng gồm những nội dung chính sau:

Công ty I là bên đặt gia công, ông Phạm Đức T3 là bên gia công: Đối tượng gia công: Chăn nuôi gà thịt. Số lượng con giống dự kiến Công ty I giao cho bên gia công theo từng lứa sẽ được ký kết bởi Phụ lục của Hợp đồng.

- Địa điểm chăn nuôi tại: xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Công ty I sẽ cung cấp: Con giống; thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; toàn bộ sẽ được cung cấp suốt quá trình chăn nuôi để bên Gia công thực hiện chăn nuôi con giống.

Bên Gia công đồng ý nhận con giống, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi do Công ty I cung cấp theo giá bán của Công ty I quy định từng thời điểm.

Số lượng con giống dự kiến Công ty I giao cho bên Gia công theo từng lứa sẽ được ký kết bởi Phụ lục đính kèm hợp đồng. Việc giao con giống được thực hiện theo từng lứa trong suốt thời hạn thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng theo quy định của Công ty I.

Chất lượng thành phẩm, bên Gia công cam kết giao thành phẩm cho công ty I đáp ứng đủ các tiêu chuẩn theo thỏa thuận trong hợp đồng về trọng lượng; tỷ lệ hao hụt; tình trạng thành phẩm.

Thời hạn Hợp đồng: 01 năm. Bên Gia công bắt đầu thực hiện việc gia công cho công ty I từ ngày 21/12/2022 đến hết ngày 21/12/2023. Trường hợp chưa kết thúc lứa đang nuôi mà hợp đồng hết hạn thì hợp đồng sẽ được mặc nhiên gia hạn cho đến khi kết thúc lứa nuôi đó. Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý đến khi hết hạn và hai bên đã hoàn tất các nghĩa vụ phát sinh theo quy định của hợp đồng.

Phí gia công và thanh toán: Bên gia công được hưởng căn cứ vào kết quả chăn nuôi theo quy định của Hợp đồng.

Thời điểm thanh toán và điều kiện thanh toán: Bên gia công được thanh toán trong 15 ngày kể từ ngày công ty I nhận được thành phẩm đạt chất lượng theo thỏa thuận và các chứng từ hợp lệ từ bên Gia công cho mỗi lần được giao thành phẩm theo quy định.

Quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo thỏa thuận Hợp đồng.

- Ngày 29/09/2023, bên đặt gia công Công ty IBA và bên gia công ký kết Phụ lục IE quy định về: Con giống; khối lượng thành phẩm; thức ăn; thuốc thú y và tiền thưởng lợi nhuận – Đính kèm theo Hợp đồng Chăn nuôi gia công số 31/2022/HĐGC/IBA.

- Kèm theo đó là phụ lục IF quy định về: Con giống; khối lượng thành phẩm; thức ăn; thuốc thú y và tiền thưởng lợi nhuận – Đính kèm theo Hợp đồng Chăn nuôi gia công số 31/2022/HĐGC/IBA.

Căn cứ vào các phụ lục của Hợp đồng trên:

- Ngày 25/09/2023 Công ty I thả con giống cho bên gia công, số lượng: 9500 con.

- Ngày 28/09/2023 Công ty I thả con giống cho bên gia công, số lượng: 9500 con.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty I đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên đặt gia công đối với bên gia công theo thỏa thuận đã ký kết.

Ngày 05/01/2024 Công ty I thực hiện nhận thành phẩm đối với Phụ lục hợp đồng IE với số lượng con giống cấp là 9500 con.

Căn cứ vào kết quả chăn nuôi, hai bên tiến hành Quyết toán chi phí gia công với kết quả: Bên gia công còn được lĩnh số tiền (I) 43.691.500đ (Bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng).

Ngày 09/01/2024 bên công ty I thực hiện nhận thành phẩm đối với phụ lục hợp đồng IF số lượng giống cấp là 9500 con.

Căn cứ vào kết quả chăn nuôi, hai bên tiến hành Quyết toán chi phí gia công với kết quả: Do bên gia công đã vi phạm các tiêu chí quy định theo Hợp đồng, cụ thể:

- Tỷ lệ gà hao hụt vượt quy định
- Số lượng thức ăn vượt khoán
- Tiền thuốc thú y sử dụng vượt khoán
- Tiền bù doanh thu bán gà theo tiêu chuẩn
- Tiền vỏ bao bì giữ lại

Chi phí gia công cụ thể căn cứ theo bảng quyết toán chi phí gia công:

a. Về chi phí gia công quy định tại khoản 1 Điều 3 Phụ Lục Hợp đồng Gia công số 31/2022/HĐGC/IBA, chỉ số thành phẩm tính theo ngày tuổi thứ 95, tổng chi phí gia công cần thanh toán là: $14.405,9 \times 7000 = 100.841.300$ đ (*Một trăm triệu tám trăm bốn mươi một nghìn ba trăm đồng*).

b. Đối với tiền thuốc thú y quy định tại khoản 2 Điều 3 Phụ Lục Hợp đồng Gia công số 31/2022/HĐGC/IBA: $9.340 \times 6000 = 56.040.000$ đ. Thực tế phía nhận gia công đã sử dụng tổng 58.644.306 vượt khoán một khoản là 2.604.306 đ (*Hai triệu sáu trăm linh tư nghìn ba trăm linh sáu đồng*) phía gia công phải chi trả cho công ty.

c. Tiền hỗ trợ thuốc thú y cộng thêm theo quy định bằng 10% số lượng tiền thuốc vượt khoán : $2.604.306 \times 10\% = 260.431$ đ (*Hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm ba mươi một đồng*).

d. Đối với tiền thức ăn quy định tại khoản 3 Điều 2 Phụ Lục Hợp đồng Gia công số 31/2022/HĐGC/IBA là 13,300đ/kg; số lượng thức ăn sử dụng tiêu chuẩn quy định là 70,225.2 kg, thực tế sử dụng 71,375kg chênh lệch 1,119.8 kg. Giá tiền vượt khoán là $1,119.8 \times 13.300 = 14.893.932$ đ (*Mười bốn triệu tám trăm chín mươi ba nghìn, chín trăm ba mươi hai đồng*) phía gia công phải chi trả cho công ty.

e. Tiền hỗ trợ thức ăn cộng thêm quy định bằng 8% số lượng thức ăn sử dụng là 1.191.515đ (*Một triệu một trăm chín mươi một nghìn năm trăm mười lăm nghìn đồng*).

f. Tiền doanh thu bán gà theo tiêu chuẩn căn cứ vào bảng tính doanh thu trong tài liệu hồ sơ đã cung cấp là 1.103.685.851đ (*Một tỉ một trăm linh ba triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi một đồng*).

g. Tiền doanh thu bán gà theo thực tế đã nộp căn cứ theo tài liệu hồ sơ đã cung cấp là 520.057.400 đ (*Năm trăm hai mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn bốn trăm đồng*).

Tổng chi phí căn cứ theo kết quả thành phẩm nêu trên xác định như sau:
 $a - b + c - d + e - f + g = \mathbf{498.833.443 \text{ đ}}$ (*Bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*)

Do vậy theo kết quả giao thành phẩm, quyết toán, bên Gia công còn phải thanh toán tiền vi phạm căn cứ theo Hợp đồng là **(II) 498.833.443 đ** (*Bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*)

Cân đối thực hiện gia công đối với 02 phụ lục hợp đồng nêu trên, phía Gia công còn phải thanh toán cho công ty I số tiền: $498.833.443\text{đ} - 43.691.500\text{đ} = 455.141.943\text{đ}$ (*Bốn trăm năm mươi lăm triệu một trăm bốn mươi một nghìn chín trăm bốn mươi ba đồng*).

Ngoài chi phí quyết toán nêu trên, Công ty I còn phải thanh toán số tiền gà giống mà bên gia công đã đặt cọc tại các Hợp đồng gia công chăn nuôi, cụ thể:

- Tiền đặt cọc đối với phụ lục IE cần phải thanh toán cho bên Gia công một khoản là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng chẵn*)

- Tiền đặt cọc đối với phụ lục IF cần phải thanh toán cho bên Gia công một khoản là 100.000.000đ (*Một trăm triệu đồng chẵn*)

Tổng số tiền đặt cọc là (III) 200.000.000 đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*)

Tại thông báo số 0822/IBA ngày 22/09/2023 của Công ty I đối với hai phụ lục IE và IF đính kèm theo Hợp đồng gia công, xác định phía gia công cần phải thanh toán một khoản tiền số lượng gà giống do bên Gia công thả thêm (đã xác định chủ hộ chăn nuôi là người thanh toán tại thông báo) là:

- Thu tiền gà giống mua riêng T1L3: $500 \text{ con} \times 11.000\text{đ} = 5.500.000 \text{ đồng}$

- Thu tiền gà giống mua riêng T2L3: $500 \text{ con} \times 11.000\text{đ} = 5.500.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền gà giống mua riêng phải thu là: (IV) 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng chẵn*)

Cân đối thực hiện việc gia công đối với 02 phụ lục hợp đồng nêu trên, phía gia công còn cần phải thanh toán cho Công ty IBA một khoản tiền là:

Tiền thanh toán do vi phạm Hợp đồng (II) – Tiền gia công được lĩnh sau khi Quyết toán (I) – Tiền phía Gia công đặt cọc gà giống (III) + Tiền thả gà giống bên Gia công mua riêng (IV) = $498.833.443 - 43.691.951 - 200.000.000 + 11.000.000 =$

266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

Căn cứ đơn khởi kiện của Công ty I đề ngày 18/11/2024 gửi Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên yêu cầu Tòa án buộc Bên gia công là ông Phạm Đức T3 phải trả Công ty I tiền vi phạm Hợp đồng số tiền: (498.833.443đồng - 43.691.951 đồng)= 455.141.943 đồng và lãi suất chậm trả cho đến khi thanh toán hết số nợ.

Sau đó Ngày 25/11/2024 Công ty cổ phần K (IBA) sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Bên gia công là ông Phạm Đức T3 phải có trách nhiệm trả cho Công ty I số tiền vi phạm Hợp đồng gia công là **266.141.492 đồng** (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn , bốn trăm chín mươi hai đồng) và chịu khoản lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán hết số tiền còn nợ. Tại phiên tòa Công ty I không yêu cầu ông T3 trả lãi.

2. Ý kiến của bị đơn - ông Phạm Đức T3 trình bày:

Ngày 21/12/2022, ông có ký hợp đồng gia công chăn nuôi gà thịt với Công ty I và đặt cọc số tiền là 200.000.000 đồng (cho cả trại 1 và trại 2). Trại chăn nuôi là của gia đình ông cùng nhau chăn nuôi, trong đó việc giao nhận con giống và thành phẩm có con trai ông là Phạm văn B và Phạm Văn V ở nhà giao nhận cho ông những gì có liên quan đến Công ty I.

Ngày 05/01/2024 công ty I thực hiện nhận thành phẩm đối với trại 1. Sau khi quyết toán ông được nhận số tiền gia công là 43.691.000 đồng, tuy nhiên đến nay Công ty chưa trả cho ông số tiền trên.

Đối với trại 2, Công ty đã khoán cho ông tổng là 20,452.6 tấn gà. Sau khi thực hiện gia công ông đã giao lại cho công ty 14,405.9 tấn, còn thiếu 6,046.7 tấn. Theo hợp đồng yêu cầu giá thành phẩm gia công là 62.000 đồng/kg. Tuy nhiên khi Công ty thu sản phẩm, giá gà thị trường tại thời điểm bán chỉ có giá 36.000 đồng/kg. Đây là giá chung trên thị trường vào thời điểm đó chứ không phải do ông gia công thành phẩm không đạt yêu cầu. Tính số lượng gà còn thiếu nhân với giá thị trường tại thời điểm bán thì ông chỉ phải trả cho công ty số tiền làm tròn là 217.600.000 đồng. Quá trình gia công ông có sử dụng quá 01 tấn cám có giá là 14.893.000 đồng, thuốc thú y dùng quá 2.000.000 đồng nên tổng số tiền ông phải trả cho Công ty I là **234.493.000 đồng (Hai trăm ba mươi tư triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).**

Ngoài ra, không có việc ông thả thêm 500 con gà giống mua riêng cho mỗi trại như người đại diện của Công ty đã trình bày bởi diện tích chăn nuôi không đủ

để thả thêm. Bên cạnh đó, Công ty chưa trả cho ông tiền gia công trại 1 là 43.691.000 đồng; tiền gia công trại 2 đối với thành phẩm 14,405.9 tấn là 142.000.000 đồng, số tiền đặt cọc hai trại là 200.000.000 đồng. Đối với số tiền ông đã đặt cọc, ông đề nghị tính lãi suất theo hợp đồng đặt cọc là 0,5%/năm, như vậy số tiền lãi sau 02 năm là 20.000.000 đồng. Sau khi căn trừ, số tiền Công ty còn phải trả cho ông là **171.098.000 đồng**.

Nay công ty I khởi kiện ông với nội dung như trên ông không đồng ý. Ông đề nghị sẽ trả cho công ty F tấn gà còn thiếu. Khi ông đã trả đủ 20,452.6 tấn gà theo hợp đồng thì công ty phải trả cho ông số tiền là **171.098.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng)**.

3. Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Đặng Thị L trình bày: Ông T3 ký Hợp đồng gia công chăn nuôi gà thịt với Công ty I, bà và các con cùng chăn nuôi cùng ông T3 để gia công chăn nuôi gà thịt cho Công ty I nhất trí với ý kiến của ông Phạm Đức T3.

Tại phiên tòa các bên giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, không thỏa thuận được với nhau về số tiền phải thanh toán.

Trong phần tranh luận, ý kiến của Đại diện Công ty I trình bày: Về Nội dung Hợp đồng gia công số 31/2022/HĐGC/IBA ngày 21/12/2022 kèm 02 phụ lục hợp đồng được ông T3, bà L thừa nhận còn thiếu 6,046.7 tấn gà và có sự hao hụt về thức ăn, thuốc phòng bệnh cho gà... Tổng chi phí căn cứ theo kết quả thành phẩm nêu trên xác định Ông Phạm Đức T3 còn nợ **498.833.443 đ (Bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng)** đã được ông T3 trực tiếp đối chiếu tại bảng Quyết toán chi phí gia công ngày 25/02/2024. Nay Công ty trừ đi cho ông T3 số tiền đặt cọc 200.000.000 đồng, tiền gia công trại 1 là 43.691.951 đồng. Tiền con giống mua riêng 11.000.000 đồng ông T3 chưa trả nên số tiền còn nợ Công ty là: $498.833.443 \text{ đ} - 43.691.951 \text{ đ} - 200.000.000 \text{ đ} + 11.000.000 = 266.141.492 \text{ đ}$. Ông T3 còn phải trả Công ty I **266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng)**. Nay Công ty I có thiện chí thỏa thuận với ông T3, tiếp tục trừ cho ông T3 **66.141.492 đồng (Sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng)**. Ông T3 chỉ phải trả Công ty I **200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng)**.

Ý kiến của ông Phạm Đức T3: Không nhất trí với ý kiến tranh luận của Đại diện Công ty I.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và được thẩm vấn công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ vào đơn khởi kiện của Công ty cổ phần K(IBA) xác định yêu cầu khởi kiện của Công ty là tranh chấp về Hợp đồng cụ thể là “Hợp đồng Gia công chăn nuôi gà thịt ” là Tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 542 Bộ luật dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

*** Về nội dung:**

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần K(IBA) đề nghị ông Phạm Văn T4 phải có nghĩa vụ thanh toán do vi phạm Hợp đồng Gia công chăn nuôi gà thịt với số tiền **266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).**

[1] Căn cứ Hợp đồng số 31/2022/HĐGC/IBA ngày 21/12/2022 giữa Bên đặt gia công là Công ty cổ phần K(IBA) với bên nhận gia công là ông Phạm Đức T3 về việc Gia công chăn nuôi gà thịt. Hợp đồng gồm những nội dung chính sau: Công ty I là bên đặt gia công, ông Phạm Đức T3 là bên gia công:

- Đối tượng gia công: Chăn nuôi gà thịt. Số lượng con giống dự kiến Công ty I giao cho bên gia công theo từng lứa sẽ được ký kết bởi Phụ lục của Hợp đồng.

- Địa điểm chăn nuôi tại: xóm A, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.(tại gia đình ông Phạm Đức T3).

Kèm theo Hợp đồng 31/2022/HĐGC/IBA ngày 21/12/2022 là 02 phụ lục Hợp đồng như Nguyên đơn trình bày.

[2] Quá trình thực hiện Hợp đồng thấy rằng:

Công ty I đã cung cấp: Con giống; thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi; toàn bộ sẽ được cung cấp suốt quá trình chăn nuôi để bên Gia công thực hiện chăn nuôi con giống. Bên Gia công – Ông Phạm Đức T3 đã đồng ý nhận con giống, thuốc thú y, thức ăn chăn nuôi do Công ty I cung cấp theo giá bán của Công ty I quy định từng thời điểm.

Thời hạn Hợp đồng: 01 năm. Bên Gia công bắt đầu thực hiện việc gia công cho công ty I từ ngày 21/12/2022 đến hết ngày 21/12/2023. Hai bên thoả thuận: Trường hợp chưa kết thúc lứa đang nuôi mà hợp đồng hết hạn thì hợp đồng sẽ được mặc nhiên gia hạn cho đến khi kết thúc lứa nuôi đó. Hợp đồng sẽ được tự động thanh lý đến khi hết hạn và hai bên đã hoàn tất các nghĩa vụ phát sinh theo quy định của hợp đồng.

- Ngày 20/09/2023, bên đặt gia công Công ty IBA và bên gia công(ông T3) ký kết **Phụ lục IE** quy định về: Con giống; khối lượng thành phẩm; thức ăn; thuốc thú y và tiền thưởng lợi nhuận – Đính kèm theo Hợp đồng Chăn nuôi gia công số 31/2022/HĐGC/IBA. Trong đó: Con giống: là giống gà ri Hòa Bình; Trọng lượng thu hồi và chỉ số tiêu tốn thức ăn(theo ngày tuổi và loại gà(trống, mái)); Chi phí gia công và thuốc thú y: Tính theo thành phẩm xuất bán tính theo ngày tuổi của gà(từ 61-90 ngày nuôi, phí gia công là 6.500 đồng/kg gà thành phẩm; Từ 91-110 ngày nuôi, phí gia công là 7.000 đồng/kg gà thành phẩm; Từ 110 ngày trở lên, phí gia công là 7.500 đồng/kg gà thành phẩm; Chi phí thuốc thú y: 6.000đ/con;

Quy định về thưởng lợi nhuận: Trả cho bên gia công khi giá bán bình quân toàn đàn cao hơn giá mục tiêu. Tiền thưởng được tính bằng 10% x(Giá bán bình quân – Giá mục tiêu) x tổng khối lượng gà xuất bán.

Giá mục tiêu đối với gà trước 110 ngày: 62.000 đ/kg;

Giá mục tiêu đối với gà từ 110 ngày trở đi: 68.000 đ/kg;

Kèm theo đó là phụ lục **IF** quy định về: Con giống; khối lượng thành phẩm; thức ăn; thuốc thú y và tiền thưởng lợi nhuận – Đính kèm theo Hợp đồng Chăn nuôi gia công số 31/2022/HĐGC/IBA.

Căn cứ vào các phụ lục của Hợp đồng, căn cứ vào các Biên bản giao nhận tài sản, hàng hóa thấy:

- Ngày 25/09/2023 Công ty I thả con giống cho bên gia công(ông T3), số lượng: 9500 con; - Ngày 28/09/2023 Công ty I thả con giống cho bên gia công, số lượng: 9500 con.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, Công ty I đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên đặt gia công đối với bên nhận gia công theo thỏa thuận đã ký kết như cung cấp con giống đúng chủng loại, chất lượng, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y Vắc xin. Công ty I không nhận được bất cứ ý kiến khiếu nại nào của bên gia công(ông T3) về chất lượng con giống, thức ăn, thuốc thú y, vắc xin với Công ty I. Căn cứ Thông báo về việc giao nộp gà thành phẩm cho Công ty I

Ngày 05/01/2024 Công ty I thực hiện nhận thành phẩm đối với Phụ lục hợp đồng **IE** với số lượng con giống cấp là 9500 con, giống gà Ri Hòa Bình.

Căn cứ vào kết quả chăn nuôi, hai bên tiến hành Quyết toán chi phí gia công với kết quả: Bên gia công(ông T3) còn được lĩnh số tiền **43.691.500đ** (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*).

Tại phiên tòa Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn(ông Hà Lâm T1) công nhận số tiền 43.691.500đ (*Bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi một nghìn năm trăm đồng*) Công ty chưa trả ông T3 và sẽ được đối trừ vào chi phí thanh toán chi phí gia công của phụ lục hợp đồng IF với ông T3.

Ngày 09/01/2024 bên công ty I thực hiện nhận thành phẩm đối với phụ lục hợp đồng IF số lượng giống cấp là 9500 con.

Căn cứ vào kết quả chăn nuôi, hai bên tiến hành Quyết toán chi phí gia công với kết quả: Do bên gia công(ông T3) đã vi phạm các tiêu chí quy định theo Hợp đồng, cụ thể: *Tỷ lệ gà hao hụt vượt quy định; Số lượng thức ăn vượt khoán; Tiền thuốc thú y sử dụng vượt khoán; Tiền bù doanh thu bán gà theo tiêu chuẩn; Tiền vỏ bao bì giữ lại*. Chi phí gia công cụ thể căn cứ theo bảng quyết toán chi phí gia công như Đại diện theo ủy quyền của Công ty I đã trình bày.

Căn cứ vào kết quả chăn nuôi, hai bên tiến hành Quyết toán chi phí gia công của thành phẩm đối với phụ lục hợp đồng IF kèm theo theo Hợp đồng Gia công số 31/2022/HĐGC/IBA ngày 21/12/2022 được ông Phạm Đức T3 ký tại Phụ lục Bảng quyết toán chi phí Gia công ngày 25/02/2024 xác nhận số tiền **498.833.443 đ** (*Bốn trăm chín mươi tám triệu tám trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*) và còn ghi thêm “ *Đề nghị Công ty tiếp tục hỗ trợ để gia đình đỡ thiệt hại*”(BL 105).

Như vậy, ông Phạm Đức T3 thừa nhận số tiền còn phải thanh toán trả Công ty I là **498.833.443 đ** (*Bốn trăm chín mươi tám triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

Tuy nhiên, căn cứ đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung của Công ty I và tại phiên tòa Công ty I trừ cho ông T3 số tiền Gia công đặt cọc gà giống theo phụ lục hợp đồng IE và IF là 200.000.000 đồng; T5 thả gà giống bên Gia công(ông T3) mua riêng là 11.000.000 đồng; tiền gia công trại 1 theo phụ lục hợp đồng IE 43.691.500 đồng.

Số tiền ông T3 phải trả Công ty I là: (498.833.443 đồng - 200.000.000 đồng - 43.691.500 đồng + 11.000.000 đồng) = **266.141.492 đ** (*Hai trăm sáu mươi sáu*

triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng) là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó ông Phạm Đức T3 còn phải trả Công ty I **266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng)** là có căn cứ.

Ý kiến của ông Phạm Đức T3, bà Đặng Thị L cho rằng giá cả thị trường khi giao thành phẩm cho Công ty thấp hơn so với giá thỏa thuận trong Hợp đồng nhưng ông T3 không có văn bản gì gửi đến Công ty I đồng thời yêu cầu tính lãi đối với số tiền ông đã đặt cọc, ông T3 đề nghị tính lãi suất theo hợp đồng đặt cọc là 0,5%/năm, như vậy số tiền lãi sau 02 năm là 20.000.000 đồng. Sau khi căn trừ, số tiền Công ty còn phải trả cho ông là **171.098.000 đồng**. phải trả cho ông số tiền là **171.098.000 đồng (Một trăm bảy mươi một triệu, không trăm chín mươi tám nghìn đồng)** Do ông T3 vi phạm các điều khoản thỏa thuận của Hợp đồng, không có yêu cầu phản tố và chứng cứ kèm theo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về lãi suất: Công ty I không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông Phạm Đức T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền còn nợ Công ty I. Hoàn trả Công ty I số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, 92, 271, 273, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 280, 357, 468, 542 đến 552 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán TAND Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ban hành quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – Công ty cổ phần kinh

doanh Nông nghiệp Quốc Tế (IBA) đối với bị đơn – Ông Phạm Đức T3 về tranh chấp Hợp đồng Gia công chăn nuôi gà thịt.

2. Buộc Ông Phạm Đức T3 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty I số tiền 266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng).

3. Công ty cổ phần K(IBA) được nhận số tiền 266.141.492 đ (Hai trăm sáu mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi hai đồng) do ông Phạm Đức T3 trả.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu bên có nghĩa vụ thi hành án không tự nguyện thi hành số tiền phải trả cho bên được thi hành thì hàng tháng bên có nghĩa vụ còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/ năm quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự về lãi suất .

5. Về án phí: Ông Phạm Đức T3 phải chịu **13.307.074 đồng** án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả Công ty I 6.654.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm năm mươi tư nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0007372 ngày 10 tháng 12 năm 2024** của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện bên Nguyên đơn và có mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Khe Mo, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Dân sự .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Hồng Thái

